

**NGÀNH HỘ SINH
(MIDWIFE)
MÃ SỐ: 7720302**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên ngành hộ sinh có thể hiểu và giải thích được những mối liên quan giữa xã hội, văn hóa, sức khỏe cộng đồng trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh; có kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ: trước khi mang thai, trong thời kỳ thai nghén, trong chuyển dạ và sinh đẻ và trong thời gian hậu sản; có kiến thức, kỹ năng chăm sóc và tư vấn cho phụ nữ thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1.2.1. Kiến thức

- M01: Có kiến thức chung trong toàn Đại học Huế về Giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin

- M02: Có kiến thức nền tảng của khối kiến thức giáo dục Chuyên nghiệp về khoa học cơ bản, y học cơ sở, tâm lý y học- đạo đức y học, Pháp luật – Tổ chức y tế, sức khỏe môi trường để có thể ứng dụng trong chuyên ngành Hộ sinh

- M03: Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

1.2.2. Kỹ năng

- M04: Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.

- M05: Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục

- M06: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia

- M07: Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ

và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- M08: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của phụ nữ, đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp

- M09: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp về các quyết định thực hành lâm sàng cũng như những kết quả có liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc trong phạm vi thực hành nghề nghiệp của mình

- M10: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng khi thực hành nghề nghiệp để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho phụ nữ và gia đình họ.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên ngành Hộ sinh có thể hiểu và giải thích được những mối liên quan giữa xã hội, văn hóa, sức khỏe cộng đồng trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh; có kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ: trước khi mang thai, trong thời kỳ thai nghén, trong chuyển dạ và sinh đẻ và trong thời gian hậu sản; có kiến thức, kỹ năng chăm sóc và tư vấn cho phụ nữ thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

2.2.1. Kiến thức

- M01: Có kiến thức chung trong toàn Đại học Huế về Giáo dục chính trị, an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ và công nghệ thông tin

- M02: Có kiến thức nền tảng của khối kiến thức giáo dục Chuyên nghiệp về khoa học cơ bản, y học cơ sở, tâm lý y học- đạo đức y học, Pháp luật – Tổ chức y tế, sức khỏe môi trường để có thể ứng dụng trong chuyên ngành Hộ sinh

- M03: Có kiến thức nền tảng và nâng cao của nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành trong lĩnh vực Hộ sinh để có thể chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ và trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

2.2.2. Kỹ năng

- M04: Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực

sản phụ khoa, sơ sinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội, y tế cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp.

- M05: Có kỹ năng tự nghiên cứu và khám phá kiến thức, tự phát triển chuyên môn liên tục

- M06: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tổng hợp kiến thức chung của ngành và chuyên ngành ứng dụng trong thực hành chuyên môn phù hợp hệ thống y tế và hướng dẫn quốc gia

- M07: Thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh qua các thời kỳ, trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- M08: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của phụ nữ, đồng nghiệp trong khi thực hành nghề nghiệp

- M09: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp về các quyết định thực hành lâm sàng cũng như những kết quả có liên quan đến quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc trong phạm vi thực hành nghề nghiệp của mình

- M10: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng khi thực hành nghề nghiệp để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho phụ nữ và gia đình họ.

3. Thời gian đào tạo : 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá : 133 đơn vị tín chỉ

(chưa kể các nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
I		Kiến thức giáo dục đại cương	28	25	3
		1.1. Các môn chung:	20	20	0
1	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	Y.LLCT.1.03.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	Y.LLCT.1.04.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
6	Y.NNKC.1.01.7	Ngoại ngữ không chuyên	7	7	0
7	S.NNG.1.01.2	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	2	0
		1.2. Các môn cơ sở khối ngành:	8	5	3
8	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất – Thống kê y học	3	2	1
9	N.KCB.2.02.3	Hóa học và Vật lý - Lý sinh	3	2	1
10	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	2	1	1
II		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105	52	53
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành:	28	17	11
11	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	3	2	1
12	N.MPH.3.01.2	Mô phôi	2	1	1
13	N.SLY.3.01.2	Sinh lý	2	1	1
14	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	1	1
15	N.SHY.3.01.2	Hóa sinh	2	1	1
16	N.DLY.3.01.2	Dược lý	2	1	1
17	N.VSY.3.01.2	Vi sinh	2	1	1
18	N.KST.3.01.2	Ký sinh trùng	2	1	1
19	N.YCC.3.01.3	Dinh dưỡng - Sức khỏe môi trường - Dịch tễ học	3	3	0
20	N.YCC.2.03.2	Tâm lý y học – Đạo đức Y học, Pháp luật - Tổ chức Y tế	2	2	0
21	S.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ sở 1	2	1	1
22	S.KDD.3.02.2	Điều dưỡng cơ sở 2	2	1	1
23	S.VSY.3.02.2	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	1	1
		2.2. Kiến thức ngành:	50	22	28
33	S.NHI.4.01.2	Tiêm chủng cho trẻ nữ nhi	2	1	1
24	S.SAN.4.01.2	Giới thiệu ngành hộ sinh; Đạo đức hộ sinh; Vai trò hộ sinh và các mục tiêu phát triển	2	1	1
25	S.SAN.4.02.2	Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	2	1	1
26	S.SAN.4.03.2	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ qua các giai đoạn và nam học	2	2	0
27	S.SAN.4.04.4	Chăm sóc bà mẹ thai nghén bình thường	4	2	2
28	S.SAN.4.05.4	Chăm sóc bà mẹ thai nghén có nguy cơ	4	2	2

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
29	S.SAN.4.06.3	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ thường	3	1	2
30	S.SAN.4.07.4	Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ và đẻ khó	4	2	2
31	S.SAN.4.08.4	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ bình thường và có nguy cơ	4	2	2
32	S.SAN.4.10.4	Chăm sóc sơ sinh	4	2	2
34	S.SAN.4.12.2	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	2	1	1
35	S.SAN.4.13.2	Phá thai an toàn	2	1	1
36	S.SAN.4.14.4	Thực hành hộ sinh 1	4	0	4
37	S.SAN.4.15.4	Thực hành hộ sinh 2	4	0	4
38	S.SAN.4.16.2	Chăm sóc sức khoẻ sinh sản cộng đồng	2	1	1
39	S.SAN.4.17.3	Chăm sóc hộ sinh nâng cao và tư vấn chăm sóc sức khoẻ tình dục	3	2	1
40	S.SAN.4.18.2	Khái niệm nghiên cứu khoa học cơ bản trong chăm sóc hộ sinh	2	1	1
		2.3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn):	20	10	10
48	S.NHI.5.02.2	Chăm sóc sơ sinh và trẻ em nâng cao	2	1	1
45	S.PHC.5.01.2	Phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khoẻ sinh sản	2	1	1
41	S.SAN.5.19.2	Chăm sóc bà mẹ trước và sau phẫu thuật sản phụ khoa	2	1	1
42	S.SAN.5.20.2	Bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS	2	2	0
43	S.SAN.5.21.4	Phụ khoa tổng quát	4	2	2
44	S.SAN.5.22.2	Chăm sóc và sàng lọc trước sinh	2	1	1
46	S.SAN.5.23.4	Các bệnh liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	4	2	2
47	S.SAN.5.24.2	Thực tập cộng đồng	2	0	2
		2.4. Tốt nghiệp:	7	3	4
49	S.PDH.4.01.3	Lý thuyết tốt nghiệp	3	3	0
50	S.PDH.4.02.4	Thực hành tốt nghiệp	4	0	4
50	S.PDH.4.04.7	Khóa luận tốt nghiệp	7	7	0
TỔNG CỘNG			133	77	56
III		Các học phần thay thế			
1	S.YCT.5.01.2	Ứng dụng YHCT trong chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em	2	1	1
2	S.KDD.5.03.2	Điều dưỡng nâng cao	2	1	1

ST T	Mã học phần	Nội dung chương trình	ĐV TC	Phân bố	
				LT	TH
3	S.SAN.5.25.2	Tiêm chủng và dinh dưỡng cho bà mẹ trong thai kỳ và sau sinh	2	1	1

